

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MINH HƯNG QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **23** /CBTT-GMH

Quảng Trị, ngày 14 tháng 08 năm 2024

“V/v công bố BCTC giữa niên độ năm 2024
đã được soát xét và giải trình chênh lệch LNST”

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ “Công ty”**
- Mã chứng khoán: **GMH**
- Địa chỉ trụ sở chính: Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4, TP Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
- Điện thoại: 0233 3582 460 Fax: 0233 3584 809
- Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Đặng Sĩ Tiếp**; Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị.
- Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ
- Nội dung công bố thông tin:
 - Công bố thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, gồm:
 - Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc;
 - Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ;
 - Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (Mẫu số: B 01a-DN);
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số: B 02a-DN);
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (Mẫu số: B 03a-DN);
 - Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ (Mẫu số: B 09a-DN).
 - Giải trình chênh lệch trên 10% lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm 2023:

Lợi nhuận sau thuế TNDN của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 của CTCP Minh Hưng Quảng Trị tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số: B 02a-DN) là 1,203 tỷ đồng, giảm 6,512 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2023.

Nguyên nhân:

- Do sản lượng tiêu thụ trong kỳ giảm mạnh (đặc biệt là xi măng và các loại gạch tuynel), làm cho doanh thu giảm 27,421 tỷ đồng. Trong khi đó, giá thành sản



xuất tăng do các yếu tố đầu vào tăng; đồng thời công ty buộc phải giảm giá bán để tiêu thụ được sản phẩm, dẫn đến lợi nhuận giảm 6,278 tỷ đồng.

- Doanh thu tài chính trong kỳ giảm so với cùng kỳ năm trước làm lợi nhuận giảm thêm 1,741 tỷ đồng.

- Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp trong kỳ giảm, nên lợi nhuận tăng thêm 1,988 tỷ đồng.

- Chi phí khác tăng, làm cho lợi nhuận giảm thêm 0,481 tỷ đồng.

7.3. Giải trình chênh lệch trên 5% lợi nhuận sau thuế TNDN giữa Báo cáo tài chính giữa niên độ năm 2024 đã được soát xét so với Báo cáo tài chính tự lập quý 2 (lũy kế 6 tháng) năm 2024:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 theo Báo cáo soát xét được trình bày tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (Mẫu số: B 02a-DN) là 1,203 tỷ đồng;

- Lợi nhuận sau thuế TNDN của kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 theo Báo cáo tài chính tự lập được trình bày tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số: B 02a-DN) là 1,858 tỷ đồng; giảm 0,655 tỷ đồng; tỷ lệ chênh lệch giảm là 35,25%.

Nguyên nhân:

Sau khi Công ty TNHH kiểm toán quốc tế (iCPA) thực hiện công tác soát xét báo cáo và ghi nhận:

- Trích lập dự phòng hàng tồn kho do chậm luân chuyển, làm cho giá vốn hàng bán tăng thêm 0,718 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận giảm thêm 0,574 tỷ đồng;

- Phân bổ thêm chi phí tư vấn và trích bổ sung lương nhân viên, làm cho chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng thêm 0,081 tỷ đồng, dẫn đến lợi nhuận giảm thêm 0,081 tỷ đồng.



8. Thông tin trên được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn: <http://minhhungqt.vn/congbothongtin/>

CTCP Minh Hưng Quảng Trị cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BTGD (để b/c);
- Lưu HĐQT, ĐT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG SĨ TIẾP

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2024



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 28

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đình Sung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Thành viên
Ông Trần Cảnh Bình	Thành viên
Ông Trương Đức Trí	Thành viên
Ông Lê Đình Minh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Cảnh Bình	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Sĩ Tiếp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đăng Vinh	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Ông Phạm Quốc Hải	Trưởng Ban
Ông Thái Vĩnh Đồng	Thành viên
Bà Võ Thị Ngọc Hà	Thành viên

Ban Kiểm toán nội bộ

Ông Lê Đình Minh	Trưởng ban
Ông Phạm Minh Thạnh	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Đình Sung - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị,



Lê Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 12 tháng 08 năm 2024

Số: 081203/2024/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 08 năm 2024, từ trang 5 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.


CÔNG TY
TNHH
KIỂM TOÁN
QUỐC TẾ
M.S.D.N: 0111000000
C.T.T.N.H.H
Q. THANH XUÂN - T.P. HÀ NỘI

Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2023-072-1
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		156.129.254.844	166.387.538.412
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.959.463.596	10.921.319.246
1. Tiền	111	V.1	3.959.463.596	10.921.319.246
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		87.422.907.976	83.934.599.720
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	3.434.599.720	3.434.599.720
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	83.988.308.256	80.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16.930.717.370	15.917.795.981
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	17.261.408.693	14.622.681.049
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		267.085.829	130.668.002
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7	980.003.391	2.742.227.473
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(1.577.780.543)	(1.577.780.543)
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	47.460.343.536	54.581.762.566
1. Hàng tồn kho	141		49.213.208.186	55.791.386.760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.752.864.650)	(1.209.624.194)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		355.822.366	1.032.060.899
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	355.792.366	1.032.030.899
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	30.000	30.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		27.927.509.822	30.907.255.216
I. Tài sản cố định	220		27.068.841.588	29.615.467.576
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	27.068.841.588	29.615.467.576
- Nguyên giá	222		109.466.802.901	109.466.802.901
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82.397.961.313)	(79.851.335.325)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		355.254.546	355.254.546
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	355.254.546	355.254.546
III. Tài sản dài hạn khác	260		503.413.688	936.533.094
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	503.413.688	936.533.094
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		184.056.764.666	197.294.793.628

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		39.244.267.522	66.664.719.179
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	39.244.267.522	66.664.719.179
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	33.921.240.378	53.448.286.865
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.323.027.144	13.216.432.314
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.467.109.552	5.208.402.847
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.384.648	168.669.669
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.384.648	168.669.669
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.831.712.389	4.823.657.059
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	2.728.064.646	3.723.596.565
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.200.975.013	9.708.911.868
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	558.148.081	76.935.712
13. Lợi nhuận khác	40		(558.148.081)	(76.935.712)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.642.826.932	9.631.976.156
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	440.195.003	1.917.262.399
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.202.631.929	7.714.713.757
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	73	468
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	73	468

Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu

Nguyễn Bá Hải
Kế toán trưởng

Lê Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 12 tháng 08 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	1.642.826.932	9.631.976.156
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.546.625.988	2.511.360.343
Các khoản dự phòng	03	543.240.456	(8.284.755)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.467.109.552)	(5.208.402.847)
Chi phí lãi vay	06	29.384.648	168.669.669
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.294.968.472	7.095.318.566
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(2.592.194.471)	(898.490.394)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	6.578.178.574	(4.478.464.476)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	780.136.342	1.710.682.894
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	1.109.357.939	89.402.049
Tiền lãi vay đã trả	14	(29.384.648)	(168.669.669)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.869.021.864)	(4.267.101.509)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	36.900.000	10.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.150.000)	(20.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	5.297.790.344	(927.322.539)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1.419.918.455)
2. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(79.003.955.237)	(76.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	75.515.646.981	81.500.000.000
4. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.046.382.634	4.278.402.847
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.558.074.378	8.358.484.392
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.485.306.325	8.127.256.909
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.803.026.697)	(8.127.256.909)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(16.500.000.000)	(8.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.817.720.372)	(8.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.961.855.650)	(818.838.147)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.921.319.246	5.505.311.153
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	3.959.463.596	4.686.473.006

Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu

Nguyễn Bá Hải
Kế toán trưởng

Lê Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ngày 12 tháng 08 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng trị tiền thân là Nhà máy Xi măng Đông Hà được thành lập theo quyết định số 739/QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ngày 27/11/1992 và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200040982 ngày 11 tháng 09 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 cấp ngày 30 tháng 11 năm 2021.

Công ty trở thành công ty đại chúng ngày 26 tháng 7 năm 2021 theo Công văn số 3922/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng ngày. Công ty đã niêm yết theo Quyết định chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 733/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là GMH.

Vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm tỷ đồng).

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công xi măng và sản xuất gạch ngói.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính tại Km 8, Quốc lộ 9, phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2023 đã được soát xét.

7. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 227 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 326 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi loại trừ đi các tổn thất theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 08
Máy móc thiết bị	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 05 tháng 05 năm 2017, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với dự án sản xuất gạch không nung bắt đầu từ năm 2018.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	1.706.275.673	5.158.934.283
Tiền gửi ngân hàng	2.253.187.923	5.762.384.963
Cộng	3.959.463.596	10.921.319.246

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

a) Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu kỳ		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3	3.434.599.720	(*)	-	3.434.599.720	(*)	-
Cộng	3.434.599.720	-	-	3.434.599.720	-	-

(*) Công ty nắm giữ 44.275 cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 với mệnh giá 100.000 đồng/ cổ phần.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 chưa có cổ phiếu giao dịch trên sàn chứng khoán nên Công ty chưa thể đánh giá và thuyết minh giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP THEO)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	-	55.000.000.000
Trái phiếu (*)	77.988.308.256	25.500.000.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác	6.000.000.000	-
Cộng	83.988.308.256	80.500.000.000

(*) Các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày thực hiện bán theo các Hợp đồng mua bán trái phiếu với các Công ty Cổ phần chứng khoán. Thời hạn từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày thực hiện bán là dưới 12 tháng. Cụ thể như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Lãi suất/năm	VND	Lãi suất/năm	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô	-	-	13,5%	8.500.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán HD	8,15% - 14%	57.984.353.019	9,65% - 10,45%	17.000.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect	7,4% - 7,9%	20.003.955.237	-	-
Cộng		77.988.308.256		25.500.000.000

(**) Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác được thực hiện theo các đề nghị lập giao dịch và thông báo xác nhận giao dịch của Công ty với Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS. Theo đó, Công ty sẽ chuyển tiền cho bên nhận vốn là Công ty Cổ phần Thanh toán Smartone Pay để bên nhận vốn quản lý, hợp tác, đầu tư, sử dụng vào tài sản tài chính thu lợi tức về cho Công ty. Thời hạn giao dịch là 6 tháng. Mức lợi tức kỳ vọng là 6,8 %/năm.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý các khoản đầu tư tài chính.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Chi nhánh Công ty TNHH Thương mại Số 1 - Nhà máy sản xuất tấm lợp Tâm Châu	2.390.780.767	2.328.301.093
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	1.781.296.380	1.451.641.500
Các khách hàng khác	13.089.331.546	10.842.738.456
Cộng	17.261.408.693	14.622.681.049

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ

Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4

Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**4. NỢ XẤU**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Công ty Cổ phần Xây dựng X27	225.730.000	-	(225.730.000)	225.730.000
Công ty Cổ phần Thành Quả	131.854.395	-	(131.854.395)	131.854.395
Công ty Cổ phần Xây dựng Thuận Hòa	91.825.000	-	(91.825.000)	91.825.000
Các đối tượng khác	1.195.338.065	66.966.917	(1.128.371.148)	1.195.338.065
Cộng	1.644.747.460	66.966.917	(1.577.780.543)	1.644.747.460
				66.966.917
				(1.577.780.543)

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	14.222.660.438	(264.030.165)	15.268.723.438	(264.030.165)
Công cụ, dụng cụ	963.240.085	(29.097.735)	949.247.440	(29.097.735)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	765.083.000	-	820.474.000	-
Thành phẩm	33.262.224.663	(1.459.736.750)	38.752.941.882	(916.496.294)
Cộng	49.213.208.186	(1.752.864.650)	55.791.386.760	(1.209.624.194)

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUANG TRỊ

Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4

Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo*

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Số dư cuối kỳ	57.981.539.493	35.035.293.135	16.174.970.273	275.000.000	109.466.802.901
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	38.895.306.104	26.983.081.034	13.697.948.187	275.000.000	79.851.335.325
Khấu hao trong kỳ	1.361.146.528	883.195.224	302.284.236	-	2.546.625.988
Số dư cuối kỳ	40.256.452.632	27.866.276.258	14.000.232.423	275.000.000	82.397.961.313
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu kỳ	19.086.233.389	8.052.212.101	2.477.022.086	-	29.615.467.576
Số dư cuối kỳ	17.725.086.861	7.169.016.877	2.174.737.850	-	27.068.841.588

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 63.910.433.032 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 63.581.978.487 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Ký cược, ký quỹ	4.000.000	4.000.000
Tạm ứng	171.407.200	354.358.200
Phải thu ngắn hạn khác	804.596.191	2.383.869.273
Cộng	980.003.391	2.742.227.473

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Nhà máy vôi công nghiệp Minh Hưng	355.254.546	355.254.546
Cộng	355.254.546	355.254.546

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	138.250.305	688.722.123
Chi phí trả trước khác	217.542.061	343.308.776
Cộng	355.792.366	1.032.030.899
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	485.410.669	872.209.760
Chi phí trả trước khác	18.003.019	64.323.334
Cộng	503.413.688	936.533.094

10. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Kinh phí công đoàn	368.806.936	342.217.011
Các khoản phải trả, phải nộp khác	92.199.301	92.199.301
Cộng	461.006.237	434.416.312

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ
Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4
Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

Mẫu số B 09a-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Thạch cao Nam Hưng	3.044.410.200	3.044.410.200	-	-
Công ty Cổ phần Nhựa Bao bì Vinh	221.042.909	221.042.909	239.294.909	239.294.909
Công ty TNHH GYPSUM Miền Trung	-	-	2.117.899.800	2.117.899.800
Các nhà cung cấp khác	382.509.807	382.509.807	1.054.900.436	1.054.900.436
Cộng	3.647.962.916	3.647.962.916	3.412.095.145	3.412.095.145
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết thuyết minh số VII.2)	93.088.310	93.088.310	116.208.400	116.208.400

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải thu				
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	30.000	63.490	63.490	30.000
Cộng	30.000	63.490	63.490	30.000
b) Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	742.529.108	3.145.577.508	2.650.145.638	247.097.238
Thuế thu nhập doanh nghiệp	440.195.003	440.195.003	1.869.021.864	1.869.021.864
Thuế thu nhập cá nhân	-	701.994.935	701.994.935	-
Thuế đất, tiền thuế đất	-	304.424.319	304.424.319	-
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Cộng	1.182.724.111	4.598.191.765	5.531.586.756	2.116.119.102

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ

Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4

Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

Mẫu số B 09a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGÁN HẠN**

	Số cuối kỳ		Phát sinh trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị (i)	2.682.279.628	2.682.279.628	2.682.279.628	-	-	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị	-	-	1.803.026.697	1.803.026.697	-	-
Cộng	2.682.279.628	2.682.279.628	4.485.306.325	1.803.026.697	-	-

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Trị theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 48BB/HEHM/2023 ngày 03/07/2023. Hạn mức cho vay là 20.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này. Thời hạn cho vay tối đa là 06 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo là công trình xây dựng Nhà máy gạch Tuynel Đông Hà có diện tích xây dựng 14.542 m².

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	165.000.000.000	5.811.962.000	678.000.000	371.000.000	11.050.664.230	182.911.626.230	13.702.276.482	(8.250.000.000)	16.502.940.712	188.363.902.712	1.202.631.929	(16.500.000.000)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.202.631.929	(16.500.000.000)
Chia cổ tức còn lại năm 2022	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu kỳ này	165.000.000.000	5.811.962.000	678.000.000	371.000.000	16.502.940.712	188.363.902.712	13.702.276.482	(8.250.000.000)	16.502.940.712	188.363.902.712	1.202.631.929	(16.500.000.000)
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.202.631.929	(16.500.000.000)
Chia cổ tức năm 2023 (*)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	165.000.000.000	5.811.962.000	678.000.000	371.000.000	1.205.572.641	173.066.534.641	13.702.276.482	(8.250.000.000)	16.502.940.712	188.363.902.712	1.202.631.929	(16.500.000.000)

(*) Việc chia phần cổ tức năm 2023 được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 02/2024/NQ-DHĐCĐ ngày 29/04/2024 của Công ty. Theo đó, Công ty thực hiện chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 10%/mệnh giá cổ phiếu tương ứng số tiền 16.500.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 cấp ngày 30 tháng 11 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	%	VND	%
Ông Lê Đình Sung	25.011.850.000	15,16%	25.011.850.000	15,16%
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	24.000.000.000	14,55%	24.000.000.000	14,55%
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	22.500.000.000	13,64%	22.500.000.000	13,64%
Bà Trần Thiên Như An	9.118.000.000	5,53%	9.119.000.000	5,53%
Ông Lê Đình Minh	8.308.360.000	5,04%	8.308.360.000	5,04%
Các cổ đông khác	76.061.790.000	46,10%	76.060.790.000	46,10%
Tổng cộng	165.000.000.000	100%	165.000.000.000	100%

c) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	16.500.000	16.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

15. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh xi măng, gạch và một số vật liệu xây dựng liên quan. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày tại Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh xi măng, gạch và một số vật liệu xây dựng liên quan. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán gạch và bột đá	15.082.272.433	28.894.743.208
Doanh thu bán xi măng	23.266.114.055	36.551.250.558
Doanh thu cung cấp dịch vụ	895.881.034	1.181.666.321
Doanh thu khác	-	37.059.092
Cộng	39.244.267.522	66.664.719.179

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn bán gạch và bột đá	15.223.476.091	26.851.219.871
Giá vốn bán xi măng	17.317.833.166	25.571.035.177
Giá vốn cung cấp dịch vụ	836.690.665	991.510.527
Giá vốn hoạt động khác	-	36.904.545
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	543.240.456	(2.383.255)
Cộng	33.921.240.378	53.448.286.865

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi trái phiếu	1.731.310.472	1.008.172.970
Lãi tiền gửi, cho vay	1.735.799.080	4.200.229.877
Cộng	3.467.109.552	5.208.402.847

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	29.384.648	168.669.669
Cộng	29.384.648	168.669.669

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.825.292.063	1.502.221.346
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	653.346.987	1.267.523.181
Chi phí khấu hao TSCĐ	972.222.907	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	179.469.793	1.363.885.846
Chi phí khác	201.380.639	690.026.686
Cộng	3.831.712.389	4.823.657.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.707.006	-
Chi phí nhân viên quản lý	1.164.781.553	1.873.603.965
Chi phí khấu hao TSCĐ	232.728.624	131.269.516
Thuế, phí và lệ phí	310.424.319	296.079.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	192.931.727	188.880.074
Chi phí khác bằng tiền	820.491.417	1.239.665.118
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(5.901.500)
Cộng	2.728.064.646	3.723.596.565

7. CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí khấu hao TSCĐ không phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh	345.552.981	-
Chi phí khác	212.595.100	76.935.712
Cộng	558.148.081	76.935.712

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.642.826.932	9.631.976.156
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	558.148.081	76.935.712
<i>Cộng: Chi phí không được trừ</i>	558.148.081	76.935.712
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.200.975.013	9.708.911.868
Thu nhập chịu thuế suất 20%	2.200.975.013	9.463.712.123
Thu nhập chịu thuế hưởng ưu đãi giảm 50% thuế phải nộp (*)	-	245.199.745
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	440.195.003	1.917.262.399
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	440.195.003	1.917.262.399

(*) Theo giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 05 tháng 05 năm 2017, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với dự án sản xuất gạch không nung bắt đầu từ năm 2018. Như vậy, từ năm 2024 trở đi, Công ty không được hưởng ưu đãi miễn 50% số thuế phải nộp đối với dự án sản xuất gạch không nung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**9. LÃI CƠ BẢN, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.202.631.929	7.714.713.757
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.202.631.929	7.714.713.757
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16.500.000	16.500.000
Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu	73	468

10. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	18.657.450.120	39.339.899.550
Chi phí nhân công	8.766.778.678	17.192.513.946
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.201.073.007	2.511.360.343
Hoàn nhập dự phòng	-	(8.284.755)
Trích lập dự phòng	543.240.456	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.163.566.769	6.563.146.205
Chi phí khác bằng tiền	1.603.366.370	3.078.722.246
Cộng	34.935.475.400	68.677.357.535

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng thuê đất, nộp tiền hàng năm với Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị như sau:

Hợp đồng thuê đất số 75 ngày 27/06/2017 thuê đất tại thôn Tân Hiếu, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời gian thuê đất đến ngày 13/10/2043. Tổng diện tích khu đất thuê là 11.173 m².

Hợp đồng thuê đất số 76 ngày 27/06/2017 thuê đất tại thôn Tân Hiếu, xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời gian thuê đất đến ngày 13/10/2043. Tổng diện tích khu đất thuê là 3.149 m².

Hợp đồng thuê đất số 46 ngày 21/08/2018 thuê đất tại xã Vĩnh Hòa, huyện Vĩnh Linh, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Nhà máy gạch Tuynel Linh Đơn). Thời gian thuê đất đến ngày 14/08/2043. Tổng diện tích khu đất thuê là 40.543 m².

Hợp đồng thuê đất số 28 HĐ/TĐ ngày 20/05/2019 thuê đất tại thị trấn Ái Tử, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Sản xuất vật liệu xây dựng, đồ gốm). Thời gian thuê đất đến ngày 28/08/2036. Tổng diện tích khu đất thuê là 36.773 m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

Hợp đồng thuê đất số 84 HĐ/TĐ ngày 27/12/2019 thuê đất tại xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với mục đích văn phòng làm việc và nhà ở công nhân. Thời gian thuê đất đến ngày 31/08/2038. Tổng diện tích khu đất thuê là 2.616 m².

Hợp đồng thuê đất số 85 HĐ/TĐ ngày 27/12/2019 thuê đất tại xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp (Nhà máy xi măng 8,2 vạn tấn/năm). Thời gian thuê đất đến ngày 15/10/2043. Tổng diện tích khu đất thuê là 67.421 m².

Hợp đồng thuê đất số 86 HĐ/TĐ ngày 27/12/2019 thuê đất tại xã Cam Tuyền, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất thương mại dịch vụ (Kho vật liệu nổ và bãi tập kết đá nguyên liệu). Thời gian thuê đất đến ngày 30/01/2038. Tổng diện tích khu đất thuê là 32.944 m².

Hợp đồng thuê đất số 87 ngày 27/12/2019 thuê đất tại phường 4, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp. Thời gian thuê đất đến ngày 25/02/2050. Tổng diện tích khu đất thuê là 41.725 m².

Hợp đồng thuê đất số 55 ngày 17/07/2020 thuê đất tại xã Cam Hiếu, huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với mục đích đất cơ sở sản xuất kinh doanh (mở rộng kho, bãi chứa thành phẩm nhà máy sản xuất gạch không nung). Thời gian thuê đất đến ngày 29/11/2069. Tổng diện tích khu đất thuê là 6.031 m².

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn của hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

2. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Ông Lê Đình Sung
Công ty TNHH Minh Hưng

Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng
TMCP Công thương Việt Nam

Bà Phạm Thị Mỹ Liên

Bà Trần Thiên Như An

Ông Lê Đình Minh

Các thành viên khác trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT đồng thời là cổ đông lớn
Cùng người quản lý Công ty (ông Lê Đình Minh
là thành viên HĐQT, cổ đông lớn của Công ty;
đồng thời là thành viên Hội đồng thành viên và
Phó Giám đốc Công ty TNHH
Minh Hưng)

Bên liên quan (Ông Nguyễn Văn Tú là con rể
của ông Lê Đình Sung - Chủ tịch HĐQT của
Công ty, đồng thời là chủ sở hữu và người đại
diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV Phú
Vinh Thịnh)

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)****2. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)***Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Mua hàng	2.822.777.262	9.873.886.314
Công ty TNHH Minh Hưng	640.078.262	724.681.814
Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh	2.182.699.000	9.149.204.500

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải trả người bán ngắn hạn	93.088.310	116.208.400
Công ty TNHH Minh Hưng	93.088.310	116.208.400

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Hội đồng Quản trị	298.694.497	348.499.584
Ông Lê Đình Sung	146.294.497	196.099.584
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	42.000.000	42.000.000
Ông Trần Cảnh Bình	42.000.000	42.000.000
Ông Trương Đức Trí	32.400.000	32.400.000
Ông Lê Đình Minh	36.000.000	36.000.000
Ban Tổng Giám đốc	205.485.637	287.617.505
Ông Trần Cảnh Bình	58.340.603	86.696.684
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	49.778.381	75.061.237
Ông Đặng Sĩ Tiếp	50.095.393	52.822.820
Ông Hồ Đăng Vinh	47.271.260	73.036.764
Ban kiểm soát	137.821.253	96.000.000
Ông Phạm Quốc Hải	63.615.295	33.000.000
Ông Thái Vĩnh Đồng	30.000.000	30.000.000
Bà Võ Thị Ngọc Hà	44.205.958	15.000.000
Ông Lê Quang Hùng (miễn nhiệm ngày 24/04/2023)	-	18.000.000
Cộng	642.001.387	732.117.089

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:


- Tiền thu đi vay theo kế ước thông thường: 4.485.306.325 đồng.

Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

- Tiền trả nợ gốc theo kế ước thông thường: 1.803.026.697 đồng.

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu



Nguyễn Bá Hải
Kế toán trưởng



Lê Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ngày 12 tháng 08 năm 2024